

Số: /2016/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC-BVG ngày tháng năm 2016; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số /STP-VB ngày tháng năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quyết định này quy định về mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép hoặc Quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Quyết định này không áp dụng đối với các trường hợp quy tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển, gồm:

- a) Giao khu vực biển để thăm dò, khai thác dầu khí;
- b) Giao khu vực biển để khai thác thủy sản, cho thuê mặt nước để nuôi

trồng thủy sản;

c) Giao khu vực biển để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao khu vực biển, khai thác sử dụng tài nguyên biển theo quy định.

Điều 3. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển

1. Mức thu một héc ta (1ha) khu vực biển một (01) năm = diện tích khu vực biển được giao (ha) nhân (x) mức thu tiền sử dụng khu vực biển (ha).

Trong đó:

a) Diện tích khu vực biển: áp dụng theo quy định tại Điều 4 Thông tư Liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển (sau đây gọi tắt là Thông tư Liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT).

b) Mức thu tiền sử dụng khu vực biển (ha): được áp dụng tùy theo nhóm sử dụng khu vực biển như sau:

Nhóm	Mục đích sử dụng khu vực biển	Đơn giá (đồng/ha/năm)
1	Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu	3.000.000
2	Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện	4.000.000
3	Sử dụng khu vực biển để xây dựng các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, công trình xây dựng dân dụng trên biển, các hoạt động lấn biển	5.000.000
4	Sử dụng khu vực biển để làm vùng nước cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí và các cảng, bến khác (gồm: vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch; vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác), vùng nước phục vụ hoạt động cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển, xây dựng cảng cá, bến cá; vùng nước phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, đón trả khách, khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; thăm dò,	6.000.000

	khai thác khoáng sản, khai thác nước biển làm mát cho các nhà máy; trục vớt hiện vật, khảo cổ.	
5	Sử dụng khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét.	7.500.000
6	Các hoạt động sử dụng khu vực biển khác.	3.000.000

c) Ghi chú: Khi Nhà nước điều chỉnh khung giá tính tiền sử dụng khu vực biển thì đơn giá tính tiền sử dụng khu vực biển hoạt động đổ thải bùn nạo vét (nhóm 5) cũng được điều chỉnh và được xác định ở mức cao nhất trong các khung giá tính tiền sử dụng khu vực biển khi điều chỉnh.

2. Đối với những hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển chưa quy định mức thu cụ thể theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng do lãnh đạo Sở Tài chính làm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên là lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, đại diện các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan để tổ chức xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đối với dự án thuộc thẩm quyền giao của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Trong một số trường hợp đặc biệt, tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể, đặc điểm, tính chất của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ quyết định mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển đối với một số hoạt động cao hơn hoặc thấp hơn mức quy định tại Khoản 1 Điều này sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính.

Điều 4. Phương thức thu và xác định tiền sử dụng khu vực biển

1. Tiền sử dụng khu vực biển được tính từ thời điểm quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành.

2. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển được lựa chọn hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển hàng năm hoặc trả tiền sử dụng khu vực biển một lần cho cả thời hạn được giao khu vực biển. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển và số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp tương ứng với từng hình thức được ghi cụ thể trên quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền theo đề xuất của tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ xin giao khu vực biển theo quy định.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển hàng năm được quy định như sau:

a) Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp hàng năm được xác định bằng diện tích khu vực biển được giao quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 3 Quyết định này nhân (x) với mức thu tiền sử dụng khu vực biển quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3 Quyết định này;

b) Mức thu tiền sử dụng khu vực biển trong trường hợp này được ổn định 05 (năm) năm tính từ thời điểm có quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển được quy định như sau:

a) Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp được xác định bằng diện tích được giao quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 3 Quyết định này nhân (x) với mức thu tiền sử dụng khu vực biển do cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển quyết định nhân (x) với thời hạn giao khu vực biển;

b) Tổ chức, cá nhân trong trường hợp này được ổn định mức thu tiền cho cả thời hạn được giao khu vực biển.

5. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét theo quy định tại Nhóm 3 Điểm b Khoản 1 Điều 3 Quyết định này phải nộp toàn bộ số tiền sử dụng khu vực biển một lần tương ứng với thời hạn sử dụng khu vực biển là 30 (ba mươi) năm và được ghi tại quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và người sử dụng khu vực biển

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành hàng năm mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển cụ thể trên địa bàn Thành phố thuộc thẩm quyền giao của Thành phố;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố có ý kiến về mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường nằm trên địa bàn địa giới hành chính của Thành phố.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì xác định địa điểm, tọa độ, ranh giới, diện tích khu vực biển; phân nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển để tính tiền sử dụng khu vực biển phải nộp đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân Thành phố; trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, ban hành quyết định giao khu vực biển;

b) Sử dụng kinh phí chi cho nhiệm vụ giao khu vực biển đúng quy định của pháp luật.

3. Cục Thuế Thành phố có trách nhiệm:

a) Xác định và thông báo số tiền sử dụng khu vực biển đối với từng dự án cụ thể mà tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển phải nộp theo quy định tại Quyết định này;

b) Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển vào ngân sách nhà nước theo đúng thời gian quy định;

c) Giải quyết vướng mắc liên quan đến thủ tục thu nộp và hoàn trả tiền sử dụng khu vực biển;

d) Cung cấp thông tin về tình hình thu nộp tiền sử dụng khu vực biển cho Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường biết, theo dõi;

đ) Hàng năm tổng hợp số liệu về thu tiền sử dụng khu vực biển tại Thành phố để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Tổng cục Thuế và Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

4. Cơ quan kho bạc nhà nước có trách nhiệm:

a) Thu đủ số tiền sử dụng khu vực biển vào Kho bạc Nhà nước theo thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển của cơ quan thuế;

b) Không được chuyển việc thu tiền sang ngày hôm sau khi đã nhận đủ thủ tục nộp tiền của người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính;

c) Không được từ chối thu khi tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển trong giờ làm việc và đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ có trách nhiệm:

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định cụ thể vị trí, diện tích sử dụng khu vực biển.

6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển:

a) Nộp tiền sử dụng khu vực biển theo đúng phương thức và thời hạn theo Thông báo của cơ quan thuế;

b) Quá thời hạn nộp tiền sử dụng khu vực biển theo Thông báo của cơ quan thuế mà không nộp đủ tiền sử dụng khu vực biển thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư Liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT.

Điều 6. Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các Sở, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ phản ánh kịp thời cho Sở Tài chính để nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười (10) ngày kể từ ngày ký.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố;
- TTUB: CT các PCT;
- Các Ban HĐND thành phố;
- VPUB: Các PVP;
- Các Phòng Chuyên viên, ĐTMT (5);
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, (ĐTMT/).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**